

Số: 5260/TTr-UBND

Bình Dương, ngày 06 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 003176 Ngày: 08-11-2018
Chuyển: Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương về phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, khóa XII;	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương về phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, khóa XII;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

Trong những năm qua, Bình Dương tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và phát triển cao. Tốc độ đô thị hóa của tỉnh diễn ra rất nhanh. Chuyển dịch lao động, lao động có tay nghề ngày càng tăng đáp ứng được nhu cầu lao động của tỉnh. Bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh cũng đang gặp một số khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu phát triển về kinh tế, xã hội, tỉnh cần phải có một đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tinh gọn, có trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm cao để đáp ứng với yêu cầu phát triển của tỉnh.

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết về đổi mới hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ổn định, có phẩm chất đạo đức, có năng lực thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Việc đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức thời gian qua đã góp phần phát triển nền công vụ, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức... Từng bước xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một cách hợp lý; xây dựng tiêu chuẩn chức danh nghiệp vụ; việc thực

hiện chính sách tuyển dụng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, luân chuyển công chức, viên chức hằng năm đã góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như: Năng lực nghiệp vụ quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức ở một số cơ quan, đơn vị còn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Số lượng cán bộ, công chức nhất là người hoạt động không chuyên trách cấp xã còn lớn, trong khi đó chất lượng và hiệu quả hoạt động không cao... Đặc biệt, hiện nay vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhìn chung còn bất cập. Từ những hạn chế nêu trên cho thấy, việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2021 của tỉnh là một yêu cầu rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, tạo điều kiện để tiếp tục cải cách nền hành chính trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, giảm chi ngân sách cho hoạt động của bộ máy, nhất là chi lương và chi thường xuyên.

Những nội dung cơ bản về đối tượng và chính sách tinh giản biên chế của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (viết tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (viết tắt là Nghị định số 26/2015/NĐ-CP) đã rõ ràng hơn. Đặc biệt, trong xác định đối tượng tinh giản biên chế có đề cập tới mối tương quan giữa nhân sự và vị trí việc làm. Điều này thể hiện phương hướng chuyển đổi nền công vụ từ mô hình chức nghiệp sang mô hình việc làm theo tinh thần đổi mới trong Luật cán bộ, công chức năm 2008. Bên cạnh đó, sự rõ ràng trong xác định đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế còn thể hiện ở việc gắn đánh giá năng lực với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

Mặt khác, hiện nay chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị đã tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức góp phần cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, nâng cao năng lực trong giải quyết công việc. Các chính sách quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về cơ bản đã đáp ứng được chủ trương tinh giản biên chế của Đảng theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, chính sách tinh giản biên chế chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP chưa tạo điều kiện cho các địa phương chủ động giải quyết tinh giản biên chế và các chính sách hỗ trợ. Điều này ảnh hưởng lớn đến quá trình giải quyết tinh giản biên chế và chưa đảm bảo quyền lợi cũng như động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện tinh giản. Bên cạnh đó, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP chưa được bổ sung đối tượng là người hoạt động không chuyên

trách cấp xã và đối tượng là hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn nghiệp vụ. Những đối tượng thuộc diện tinh giản hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trên đa phần có quá trình công tác lâu, quen việc. Vì vậy khi thực hiện tinh giản biên chế hoặc chấm dứt hợp đồng lao động cần ghi nhận sự đóng góp trong quá trình công tác để xem xét hỗ trợ thêm nhằm đảm bảo quyền lợi cho các trường hợp này.

Do đó, để thực hiện cần có chính sách hỗ trợ thêm cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Mục đích

Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để từng bước tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ. Đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện tinh giản, sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

Đối với các chức danh không chuyên trách cấp xã đến cuối năm 2020, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách: Mỗi xã còn không quá 8 người.

Theo chỉ đạo của Trung ương, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải có phương án chấm dứt sử dụng hợp đồng lao động để làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ (bao gồm cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền giao) có tính chất thường xuyên trong cơ quan hành chính nhà nước.

Từ năm 2018 đến năm 2021:

- Các cơ quan hành chính phải đạt được tỷ lệ tinh giản tối thiểu bằng 28,68% (1.102/3.892) so với biên chế được giao năm 2017. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế bình quân là 7,17% (theo Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương).

- Đơn vị sự nghiệp công lập phải giảm ít nhất 10% (tương ứng với ít nhất 62 đơn vị) và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015 (tương ứng với 2.700 biên chế) (theo Chương trình số 77-Ctr/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương).

2. Quan điểm xây dựng chính sách

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương trong tỉnh; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Tăng cường vận động,

thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị tỉnh và đồng thuận trong xã hội.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3465/UBND-NC ngày 26/7/2018 về việc thành lập Tổ tham mưu xây dựng chế độ, chính sách đặc thù của tỉnh để thực hiện Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 3500/UBND-NC ngày 27/7/2018 về việc chấp thuận chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện Đề án theo Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương. Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 về việc thành lập Tổ tham mưu xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh theo Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng dự thảo chính sách.

Ngày 08/10/2018, căn cứ Thông báo Kết luận của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại Hội nghị liên tịch chuẩn bị kỳ họp thứ Tám – HĐND tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016-2021 có nội dung giao Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Trên cơ sở đó, ngày 08/10/2018 Sở Nội vụ gửi Công thông tin điện tử tỉnh Bình Dương (tại địa chỉ: <https://www.binhduong.gov.vn>) trong thời hạn 30 ngày để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đóng góp ý kiến đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 11/10/2018, Sở Nội vụ tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đóng góp, Sở Nội vụ và các thành viên Tổ tham mưu xây dựng chính sách tiếp thu các ý kiến đóng góp, gửi Sở Tư pháp thẩm định và báo cáo Ban Cán sự Đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào ngày 30/10/2018 (Thông báo số 517-TB/TU ngày 02/11/2018 về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế”).

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đóng góp của các sở, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan và báo cáo thẩm định số 137/BC-STP ngày 02/11/2018 của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết có 06 điều:

- Điều 1: Quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- Điều 2: Quy định mức hỗ trợ cho các đối tượng áp dụng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Điều 3: Quy định nguồn kinh phí thực hiện.
- Điều 4: Quy định thời gian thực hiện.
- Điều 5: Quy định tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Điều 6: Quy định giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi, đối tượng

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh

Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã; Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Các Hội được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương.

2.1.2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP. Người lao động hợp đồng làm công tác nghiệp vụ trong cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trong chỉ tiêu biên chế được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.1.3. Đối tượng không áp dụng

Các đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP còn dưới 24 tháng đến tuổi nghỉ hưu và đối tượng được quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP còn dưới 06 tháng đến tuổi nghỉ hưu; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân mà không phải do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; Những đối tượng thuộc diện thu hút theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Các trường hợp đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.2. Mức hỗ trợ

2.2.1. Đối với đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngoài khoản trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP còn được hỗ trợ thêm 3.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 250.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ không quá 75.000.000 đồng.

2.2.2. Đối với đối tượng người lao động hợp đồng làm công tác nghiệp vụ trong cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trong chỉ tiêu biên chế được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân

tính giao ngoài khoản trợ cấp thôi việc theo quy định còn được hỗ trợ thêm 6.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 500.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng.

2.2.3. Đối với đối tượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài khoản trợ cấp thôi việc theo quy định còn được hỗ trợ thêm 6.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 500.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội và hỗ trợ thêm 3.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 250.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác không có đóng Bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng.

2.2.4. Trường hợp đối tượng có giai đoạn thời gian được hưởng cả 2 mức hỗ trợ quy định tại Khoản 2.2.1, Khoản 2.2.3 Mục 2 này thì tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng.

2.3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ này được sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Trường hợp ngân sách của địa phương không đủ thì ngân sách cấp tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ.

2.4. Thời gian thực hiện

Nghị quyết thực hiện kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Gửi kèm:

1. Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

2. Báo cáo của Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

3. Báo cáo của cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết;

4. Báo cáo Kết quả thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ và chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

5. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

6. Báo cáo thuyết minh của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương).

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VPHĐND tỉnh;
- LĐVP(Lg,V), Th, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

BÁO CÁO THUYẾT MINH

**Về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp
tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương**
*(Kèm theo Tờ trình số 5360/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Thực hiện Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương về Phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, khóa XII và Chương trình số 77-Ctr/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương thực hiện Nghị quyết số 19-NQ của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, Tỉnh ủy yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh theo Đề án, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Ngày 08/10/2018, căn cứ Thông báo Kết luận của Chủ tịch HĐND tỉnh tại Hội nghị liên tịch chuẩn bị kỳ họp thứ Tám – HĐND tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016-2021 có nội dung giao UBND tỉnh chuẩn bị Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Trên cơ sở đó, ngày 8/10/2018 Sở Nội vụ gửi Website tỉnh niêm yết dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương, dự thảo Tờ trình UBND tỉnh. Ngày 11/10/2018, Sở Nội vụ tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đóng góp, Sở Nội vụ và các thành viên Tổ tham mưu xây dựng chính sách tiếp thu các ý kiến đóng góp, gửi Sở Tư pháp thẩm định và báo cáo Ban Cán sự Đảng trình Thường trực Tỉnh ủy thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào ngày 30/10/2018.

Sau khi hoàn chỉnh dự thảo, theo quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo thuyết minh các nội dung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Về căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Căn cứ Điểm đ Khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định như sau: “Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền hạn được quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Trên cơ sở đó, việc ban hành chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình

Dương là thuộc quyền hạn của HĐND tỉnh Bình Dương và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Về phạm vi điều chỉnh

a) Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

c) Các Hội được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương.

Phạm vi điều chỉnh của chính sách cơ bản phù hợp với phạm vi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, đảm bảo đầy đủ các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh: Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội.

3. Về đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ gồm: Cán bộ, công chức từ tỉnh đến cấp xã, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các hội;

Chính sách này chủ yếu thực hiện hỗ trợ thêm cho các đối tượng thực hiện chính sách sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của tỉnh nên chính sách bám sát đối tượng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 và Chương trình số 77-Ctr/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Dương.

b) Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi thực hiện theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

Đối tượng này được quy định cho cán bộ không đủ tuổi tái cử theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP. VD Trường hợp ông Nguyễn Văn A không đủ tuổi tái cử và còn trên 06 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu sau khi hết nhiệm kỳ sẽ được áp dụng vào đối tượng nghỉ theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và được hỗ trợ thêm theo quy định tại chính sách này.

c) Người lao động hợp đồng làm công tác nghiệp vụ trong cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trong chỉ tiêu biên chế được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Việc thực hiện tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị nên đối tượng áp dụng chỉ thực hiện là hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế điều này đảm bảo thực hiện được việc tinh giản

biên chế và đảm bảo thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của trung ương.

Riêng các trường hợp, cơ quan, đơn vị, địa phương hợp đồng vượt số biên chế được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao thì người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương ký hợp đồng vượt số biên chế thỏa thuận với người lao động để chấm dứt hợp đồng đối với các trường hợp ngoài chỉ tiêu biên chế.

d) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quy định hiện nay:

- Cán bộ, công chức cấp xã: Được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính: Loại 1 không quá 25 người; loại 2 không quá 23 người; loại 3 không quá 21 người.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính: Loại 1 không quá không quá 22 người; loại 2 không quá 20 người; loại 3 không quá 19 người.

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Quyết định số 711-QĐ/TU đến năm cuối năm 2020, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách: mỗi xã còn không quá 8 người.

Tuy nhiên, hiện nay theo quy định người hoạt động không chuyên trách cấp xã không thuộc đối tượng của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nhưng vẫn thuộc đối tượng sắp xếp nên cần phải có chính sách và được hưởng chính sách này nhằm ghi nhận quá trình đóng góp của những đối tượng này.

4. Về đối tượng không áp dụng

a) Đối tượng được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này còn dưới 24 tháng đến tuổi nghỉ hưu và đối tượng được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này còn dưới 06 tháng đến tuổi nghỉ hưu.

Những đối tượng này không được áp dụng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP do có thời gian công tác đến thời điểm nghỉ hưu rất ít nên không có nhiều ý nghĩa khi tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy. Do đó, Tổ tham mưu xây dựng chính sách đề nghị không áp dụng chính sách hỗ trợ cho đối tượng này. Các đối tượng này sẽ thực hiện nghỉ hưu theo chế độ theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân mà không phải do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

Chính sách này chủ yếu thực hiện hỗ trợ thêm cho các đối tượng thực hiện chính sách sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế nên không khuyến khích các trường hợp xin thôi việc do nguyện vọng cá nhân mà không gắn với đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra việc không áp dụng đối tượng là trường hợp xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân cũng nhằm để hạn chế trường hợp người tài, người giỏi

trong cơ quan nhà nước lợi dụng xin hưởng hỗ trợ thôi việc theo chính sách rồi ra khu vực ngoài nhà nước làm việc.

c) Người có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ, Bác sĩ Chuyên khoa I, Bác sĩ Chuyên khoa II, Dược sĩ đại học, Dược sĩ chuyên khoa cấp 1, Dược sĩ chuyên khoa cấp 2 và những đối tượng khác thuộc diện thu hút theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Các đối tượng này đã được hưởng chế độ thu hút theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh nên không hỗ trợ thêm khi thôi việc theo chính sách này.

d) Các trường hợp đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

II. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Quy định mức hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Mục I Báo cáo này

Đối với đối tượng này ngoài khoản trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP còn được hỗ trợ thêm 3.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 250.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ không quá 75.000.000 đồng.

Tổng kinh phí khái toán của đối tượng này khoảng 291.285.000.000 đồng trong giai đoạn 2018-2021 (tương đương mỗi năm khoảng 97.095.000.000 đồng).

Kinh phí thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của tỉnh khoảng 690.335.160.000 đồng trong giai đoạn 2018-2021 (tương đương mỗi năm khoảng 230.111.720.000 đồng).

2. Mức hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 3 Mục I Báo cáo này

Đối với đối tượng này ngoài khoản trợ cấp thôi việc theo quy định còn được hỗ trợ thêm 6.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 500.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng.

Tổng kinh phí khái toán của đối tượng này khoảng 15.408.000.000 đồng.

3. Mức hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 3 Mục I Báo cáo này

Đối với đối tượng này ngoài khoản trợ cấp thôi việc theo quy định còn được hỗ trợ thêm 6.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 500.000 đồng/người/tháng) cho thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội và hỗ trợ thêm 3.000.000 đồng/người/năm (tương đương với 250.000 đồng/người/tháng)

cho thời gian công tác không có đóng Bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng.

Tổng kinh phí khái toán của đối tượng này khoảng 72.800.000.000 đồng trong giai đoạn 2018-2021 (tương đương mỗi năm khoảng 24.266.000.000 đồng).

4. Trường hợp đối tượng có giai đoạn thời gian được hưởng cả 2 mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 3 này thì tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng.

*** Về mức hỗ trợ:**

Đây là chính sách hỗ trợ của tỉnh mang tính chất đặc thù. Mức hỗ trợ này được đề xuất đảm bảo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh vì số tiền dự kiến chi thêm cho các đối tượng khi thực hiện chính sách sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế khoảng gần 300 tỉ cho 3 năm. Ngoài ra còn tham khảo một số địa phương khác có mức hỗ trợ tương đương.

Về mức hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Mục I là 3.000.000 đồng/người/năm trong khi Mức hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 3 Mục I là 6.000.000 đồng/người/năm là do các đối tượng Điểm a, b Khoản 3 đã được hưởng chính sách trợ cấp thôi việc (bao gồm chính sách về hưu trước tuổi, chính sách thôi việc ngay) theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP hoặc Nghị định số 26/2015/NĐ-CP khá cao nên chính sách này chỉ hỗ trợ thêm. Trong khi đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 3 chỉ có trợ cấp thôi việc theo quy định Luật Lao động mỗi năm chỉ được hưởng ½ tháng lương, khá thấp nên chính sách đề xuất hưởng mức như trên.

Còn mức khống chế tối đa từng trường hợp nhằm cân đối số tiền một cá nhân hưởng của chính sách so với các cá nhân khác và cân đối so với quy định của Trung ương.

*** Ví dụ một số trường hợp điển hình được hưởng hỗ trợ như sau:**

Ví dụ 1: đối tượng quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Mục III Báo cáo này

Ví dụ: Trường hợp ông Nguyễn Văn A, có thời gian công tác là 30 năm, tuổi khi nghỉ hưu theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP là 58 tuổi, có chức vụ là Phó Trưởng phòng Sở B với hệ số phụ cấp chức vụ 0,3. Hệ số lương là 5,76.

- Chế độ khi nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: 115.172.000 đồng (số liệu đã tính toán theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP).

- Chế độ hỗ trợ thêm theo chính sách này: 75.000.000 đồng

- Tổng chế độ hưởng của ông Nguyễn Văn A: 190.172.000 đồng

Ví dụ 2: đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 3 Mục III Báo cáo này.

Theo quy định, mỗi năm công tác được giải quyết chế độ 0,5 tháng lương hiện hưởng

Ví dụ: Trường hợp ông Trần Văn B đang hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn nghiệp vụ có thời gian công tác là 6 năm, hệ số lương 2,67.

- Chế độ thôi việc theo quy định = 6 năm x 0,5 x 2,67 x 1.390.000 đồng = 11.133.900 đồng.

- Chế độ hỗ trợ thêm theo chính sách này = 6 năm x 6.000.000 đồng/người/năm = 36.000.000 đồng.

Tổng chế độ hưởng của ông Trần Văn B: 47.133.900 đồng

Ví dụ 3: đối tượng là người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Ví dụ: Trường hợp bà Trần Thị C đang là người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác là 17 năm được hưởng hệ số lương là 2,67.

- Chế độ nghỉ việc theo quy định = 17 năm x 0,5 x 2,67 x 1.390.000 đồng = 31.546.050 đồng.

- Chế độ hỗ trợ thêm theo chính sách này = 17 năm x 6.000.000 đồng/người/năm = 102.000.000 đồng. Theo quy định chỉ hưởng tối đa 100.000.000 đồng.

Tổng chế độ hỗ trợ: 131.546.050 đồng

III. NGUỒN KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ này được sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Trường hợp ngân sách của địa phương không đủ thì ngân sách cấp tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Chính sách hỗ trợ được áp dụng kể từ ngày 10/12/2018 cho đến hết ngày 31/12/2021.

Trên đây là báo cáo thuyết minh về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.